

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Trịnh Thị Huyền Thương^{1*}, Đỗ Kim Chung²

¹*Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Sài Gòn*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: trinhhuynthuong@gmail.com

Ngày gửi bài: 05.10.2014

Ngày chấp nhận: 20.01.2015

TÓM TẮT

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là trong thời kỳ khó khăn do kinh tế suy thoái. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chính sách đã phát sinh nhiều bất cập. Với những thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn dựa trên bộ câu hỏi từ cơ quan thực thi, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách, bài viết chỉ ra rằng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã mang lại những kết quả đáng kể, góp phần làm tăng nguồn vốn, giảm chi phí sản xuất, giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp trong thời kỳ suy thoái; qua đó duy trì và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh... Bên cạnh đó, bài báo cũng chỉ ra những hạn chế khác về cơ chế chính sách như: thủ tục tiếp nhận hỗ trợ phức tạp, mức hỗ trợ thấp, doanh nghiệp khó tiếp cận với chính sách... Từ những đánh giá trên, tác giả đã đưa ra một số đề xuất cải thiện hiệu quả chính sách hỗ trợ trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

Assessment of The Results on Implementation of Supportive Policies for Enterprise Development in Nghe An Province

ABSTRACT

Government's supportive policy is important leverage to promote the enterprise development, especially in the economy slow-down period. However, in the course of policy implementation several problems arise. With the information collected by interview methods using a set of questionnaire for implementing agencies and the beneficiary enterprises, this article showed that government's supportive policy in Nghe An province has brought positive impacts on enterprise development, contributing to increasing capital, reduction of production costs, and relieving business problems in the recession period; thereby promoting the development of enterprises in the province. In addition, the article pointed out shortcomings of policy mechanisms, such as complicated procedures for receiving support, inadequate levels of support, low enterprises' accessibility to the support... From these evaluations, the authors made a number of proposals to improve the effectiveness of policy support in the future.

Keywords: Enterprise development, polices, support.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, những tác động trực tiếp của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm cho sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu giảm sút, ảnh hưởng trực

tiếp đến việc làm của lao động và hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp rơi vào tình trạng suy yếu, một số doanh nghiệp bị phá sản, số còn lại liên tục gặp khó khăn. Trước tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời đề ra các quyết sách thích hợp và cụ thể bằng các chủ

trương, chính sách kinh tế, tài chính nhằm giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội như giảm lãi suất cơ bản, hỗ trợ lãi suất vay vốn lưu động 4%/năm, bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giãn thời gian nộp thuế... Trong quá trình triển khai các chính sách của Nhà nước, tỉnh Nghệ An cũng đã ban hành và thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu những vấn đề khó khăn, bức xúc của doanh nghiệp: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, hỗ trợ khoa học công nghệ...

Bài viết sẽ đi sâu phân tích tình hình thực thi một số chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp chủ yếu ở tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2008 - 2011 bao gồm các lĩnh vực: Hỗ trợ lãi suất; giảm, gia hạn thuế và hỗ trợ khoa học công nghệ nhằm trả lời cho các câu hỏi: Các lĩnh vực chủ yếu mà chính sách tập trung hỗ trợ doanh nghiệp là gì? Các chính sách hỗ trợ đó có phù hợp yêu cầu cấp bách của thực tế ở Nghệ An không? Kết quả đạt được như thế nào? Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước có phù hợp với nguyện vọng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không? Đề xuất gì để cải thiện kết quả và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới? Mặc dù các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2009 - 2011 đã được thực thi và kết thúc nhưng Nhà nước vẫn tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ mới cho phát triển doanh nghiệp. Vì vậy, vẫn cần có những nghiên cứu để cải thiện hiệu quả của chính sách hỗ trợ trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghệ An là một tỉnh có điều kiện kinh tế khá phát triển trong khu vực Bắc Trung bộ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế kéo dài, doanh nghiệp nói riêng và kinh tế Nghệ An cũng bị ảnh hưởng rất lớn, đặc biệt là các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Theo thống kê của sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, đầu năm 2012, 90,4% doanh nghiệp thực tế đang hoạt động, 5,6% doanh nghiệp đang tạm ngừng sản xuất kinh doanh và 4,0% doanh nghiệp đã phá sản, giải thể. Một trong

những nguyên nhân của tình trạng đó là việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước trên địa bàn tỉnh còn nhiều bất cập. Vì thế, Nghệ An được chọn làm điểm nghiên cứu.

Các thông tin đã công bố về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An được thu thập từ niên giám thống kê, từ các báo cáo kết quả thực hiện chính sách của các cơ quan Ngân hàng nhà nước (NHNN) chi nhánh Nghệ An, các ngân hàng thương mại (NHTM), Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế Nghệ An. Các thông tin mới về tình hình thực hiện chính sách được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn các đối tượng có liên quan (dựa trên bộ câu hỏi) như lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo NHNN tỉnh, Cục Thuế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, lãnh đạo các NHTM trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Ngân hàng quốc tế, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Vietcombank, Ngân hàng Phát triển, Vietinbank Nghệ An và Chi cục thuế thành phố Vinh, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Quỳnh Hợp (15 người) và đại diện các doanh nghiệp (120 người/120 doanh nghiệp) ở 6 địa bàn (thành phố Vinh, huyện Diễn Châu, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ). Việc đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được dựa trên việc tổng hợp các quan điểm của nhóm triển khai chính sách (gồm 15 cán bộ thuộc các cơ quan) và của nhóm đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách (bao gồm 120 doanh nghiệp nhận hỗ trợ và không nhận được hỗ trợ của từng chính sách). Phương pháp phân tích được sử dụng là phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Như đã trình bày, nghiên cứu này chỉ đề cập đến các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lãi suất, thuế và khoa học công nghệ. Nội dung của các chính sách này được mô tả ở bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp nội dung hỗ trợ của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Chính sách	Nội dung hỗ trợ	Thời gian	Đối tượng thụ hưởng
Lãi suất	- Hỗ trợ lãi suất 4% /năm tính trên số tiền vay ngắn hạn - Hỗ trợ lãi suất với mức 4% cho các khoản vay vốn trung, dài hạn. - Hỗ trợ lãi suất các khoản vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và VLXD	Trước 31/12/2009, thời hạn 12 tháng <= 24 tháng và trước 31/12/2011 từ ngày 01/ 5 đến ngày 31/12/2009	Các DN, trừ DN hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính, bất động sản... DN có vốn tối đa 20 tỷ đồng, sử dụng tối đa 500 lao động
Thuế	- Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 và của năm 2009 - Giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với một số hàng hóa, dịch vụ. - Gia hạn nộp TNDN phải nộp năm 2009 trong thời gian 9 tháng đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh.	Quý IV năm 2008 và năm 2009 Từ 01/02/2009 đến hết 31/12/2009. Từ kỳ khai thuế thu nhập doanh nghiệp quý I/2009	Các DNNVV và các DN có hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông - lâm - thủy sản, dệt may,... DN có hàng hóa, dịch vụ nêu tại Điều 1 Thông tư 13/2009/TT-BTC. DN sản xuất sản phẩm cơ khí; VLXD; xây dựng, lắp đặt; dịch vụ du lịch; kinh doanh lương thực; phân bón.
Khoa học, công nghệ	Hỗ trợ DN khi thực hiện từng nội dung: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tham gia hội chợ; ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất; thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ	Bắt đầu từ năm 2009 - 4/2014 (chính sách mới thay thế)	Các tổ chức, cá nhân (không áp dụng cho đối tượng là các tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài).

Nguồn: Tổng hợp từ Quyết định số 131/QĐ-TTg, Quyết định số 443/QĐ-TTg, Quyết định số 497/QĐ-TTg, Nghị quyết số 30/2008, Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An

3.2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

3.2.1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất

Ngay khi có Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành cơ chế hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHTM (Quyết định 131/QĐ-TTg), NHNN ban hành các thông tư hướng dẫn số 02/2009; NHNN chi nhánh Nghệ An phổ biến nội dung đến các NHTM, đồng thời phối hợp cùng UBND tỉnh, báo Nghệ An, đài truyền hình, đài phát thanh để phổ biến về nội dung của chính sách đến người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn.

Trong quá trình triển khai, rất nhiều văn bản được ban hành nhằm bổ sung, điều chỉnh: QĐ 443/QĐ-TTg, QĐ 497/QĐ-TTg, QĐ 2072, QĐ 2213, Thông tư 04/TT-NHNN khiến cho các ngân hàng thương mại rất khó thực thi đúng thời hạn,

không tránh khỏi các sai sót về thời gian cũng như xác định đối tượng phù hợp với từng quy định. Nguồn kinh phí để thực thi chính sách được trích từ ngân sách nhà nước dựa trên kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng tháng của các NHTM. Theo số liệu thống kê của NHNN chi nhánh tỉnh Nghệ An, dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn năm 2009, năm đầu tiên triển khai chính sách, chiếm tới 71,23% tổng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất trong thời gian thực thi từ 2009 đến 2011. Điều này cho thấy sự cần thiết của chính sách vào thời điểm khó khăn nhất của doanh nghiệp cũng như hiệu quả của công tác tuyên truyền trong thời gian đầu triển khai chính sách. Năm 2010 và 2011 là thời điểm dừng cho vay ngắn hạn và triển khai cho vay trung và dài hạn. Tuy nhiên, do một số quy định ràng buộc của chính sách về vấn đề bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển cũng như nhu cầu vay vốn giảm đã làm cho số tiền cho vay giảm đi.

Bảng 2. Kết quả cho vay được hỗ trợ lãi suất phân theo đối tượng thực thi qua các năm

Chỉ tiêu	Nhóm NHTMNN		Nhóm NHTMCP		Tổng (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
	Dư nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Dư nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)		
Năm 2009	3116	74,70	1058	25,30	4174	71,23
Năm 2010	816	70,90	335	29,10	1151	19,64
Năm 2011	412	77,00	123	23,00	535	9,13
Tổng cộng	4344	74,13	1516	25,87	5860	100

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của NHNN Việt Nam chi nhánh Nghệ An, 2012

Bảng 3. Tỷ lệ ngân sách chi cho hỗ trợ lãi suất phân theo ngành, lĩnh vực kinh tế qua các năm (ĐVT: %)

Ngành nghề	Tỷ lệ năm 2009		Tỷ lệ năm 2010		Tỷ lệ năm 2011	
	Số lượng KH	Ngân sách chi	Số lượng KH	Ngân sách chi	Số lượng KH	Ngân sách chi
Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Nông, lâm, ngư nghiệp	75,00	12,86	90,46	22,33	83,08	34,87
Công nghiệp - Xây dựng	7,45	40,96	2,91	42,32	9,32	48,46
Thương mại - Dịch vụ	16,54	44,62	6,63	35,35	7,6	16,67
Lĩnh vực khác	1,01	2,56	0	0	0	0

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của NHNN Việt Nam chi nhánh Nghệ An, 2012

Mặc dù NHNN giao nhiệm vụ cho tất cả các ngân hàng và tổ chức tín dụng trên địa bàn phải thực thi, số liệu ở bảng 2 cho thấy, kết quả thực hiện chủ yếu do nhóm NHTM quốc doanh chiếm 74,13%, nhóm NHTM cổ phần chỉ chiếm 25,87%, các công ty tài chính, ngân hàng liên doanh không triển khai. Lý do là cơ chế cho vay hỗ trợ lãi suất không đem lại lợi ích mà làm tăng thêm rủi ro cho ngân hàng do khách hàng vay tiền hỗ trợ lãi suất là các doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến các ngân hàng có tâm lý né tránh nhiệm vụ.

Theo ngành, lĩnh vực kinh tế, phần lớn số tiền hỗ trợ lãi suất được chi cho ngành công nghiệp - xây dựng, trong khi tỷ trọng khách hàng của ngành này chỉ chiếm tỷ lệ thấp, ngược lại đối với ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Bảng 3 cho thấy sự bất cập này của chính sách.

3.2.2. Kết quả thực hiện chính sách giảm, giãn thuế

Trên cơ sở Quyết định 16/2009/QĐ-TTg, Cục thuế Nghệ An đăng tải văn bản hướng dẫn

triển khai trên các website của Cục thuế tỉnh, Sở tài chính, đồng thời đưa tin trên các bản tin thời sự của Đài truyền hình tỉnh Nghệ An, Cục thuế giải đáp thắc mắc trong chuyên mục “hỏi đáp chính sách”. Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách được xem là số tiền được giảm, gia hạn nộp vào ngân sách Nhà nước tại tỉnh Nghệ An trong thời gian thi hành chính sách.

Trong ba năm triển khai trên địa bàn tỉnh, đã có 10.124 doanh nghiệp được hỗ trợ cả ba khoản mục giảm, giãn thuế với tổng số tiền thuế tương ứng là 422.623 triệu đồng. Tuy nhiên, theo kết quả bảng 4, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh là khu vực có số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng cao, có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế nhưng hạn chế về vốn cho sản xuất kinh doanh lại có số tiền thuế được hỗ trợ thấp nhất. Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư ngược ngoài lại nhận được mức hỗ trợ thuế rất cao. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp nhỏ và vừa - đối tượng mà chính sách hướng tới, nhận được nguồn hỗ trợ từ chính sách không nhiều.

Bảng 4. Kết quả thực hiện hỗ trợ giảm, giãn thuế của tỉnh Nghệ An

Chỉ tiêu	Số DN	Số tiền (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Bình quân (tr. đồng)
Giảm 50% thuế suất thuế GTGT	2.297	51.926,3	100	22,61
Khu vực DNNN	30	1.877,4	3,62	62,58
Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	2	40.769,3	78,51	20.384,65
Khu vực DN ngoài quốc doanh	2.265	9.279,6	17,87	4,1
Tổ chức kinh tế khác	0	0	0	0
Gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp	2.037	141.714,7	100	69,57
Khu vực DNNN	47	27.907	19,69	593,77
Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	4	8.543,3	6,03	2135,83
Khu vực DN ngoài quốc doanh	1.986	105.264,4	74,28	53
Tổ chức kinh tế khác	0	0	0	0
Gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp	5.790	228.982	100	39,55
Khu vực DNNN	116	20.782,5	9,08	179,16
Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	6	9.923,7	4,33	1.653,95
Khu vực DN ngoài quốc doanh	5.611	197.836,8	86,4	35,26
Tổ chức kinh tế khác	57	439	0,19	7,7

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của Cục thuế tỉnh Nghệ An, 2012

Mặc dù còn tồn tại, bất cập trên nhưng chính sách hỗ trợ thuế ban hành và thực thi trong điều kiện khó khăn đã giúp cho các doanh nghiệp ở Nghệ An giảm được chi phí (thuế), đồng thời có thêm nguồn vốn bổ sung vào vốn sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư phát triển sản xuất.

3.2.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ

Để thực thi chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, UBND tỉnh Nghệ An đã giao cho sở Khoa học và công nghệ chủ trì và phối hợp với các sở,

ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã phổ biến cơ chế trên website; đồng thời thành lập hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ, gửi UBND tỉnh ra quyết định, sở tài chính, sở kế hoạch và đầu tư cân đối kinh phí hỗ trợ và giải ngân. Nguồn kinh phí hỗ trợ theo cơ chế này được trích từ quỹ phát triển khoa học - công nghệ của tỉnh Nghệ An. Trong quá trình thực thi chính sách, không có văn bản điều chỉnh, bổ sung.

Kết quả thu được trong thời gian triển khai chính sách rất thấp, mặc dù đến năm 2014 mới có văn bản thay thế nhưng số doanh nghiệp đăng ký và nhận được hỗ trợ chỉ có trong hai năm

Bảng 5. Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Tổng cộng (tr. đồng)
	Số DN	Số tiền (tr. đồng)	Số DN	Số tiền (tr. đồng)	
1. Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	19	430	19	360	790
2. Lĩnh vực sở hữu công nghiệp	4	14	2	6	20
3. Tham gia hội chợ công nghệ - thiết bị	0	0	0	0	0
4. Ứng dụng công nghệ thông tin	0	0	0	0	0
5. Thực hiện các dự án đổi mới, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	3	335,244	3	233,930	569,174
Tổng cộng	26	779,244	24	599,93	1.379,174

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của sở KH&CN tỉnh Nghệ An, 2013

2009 và 2010. Tổng số tiền chi cho 3/5 lĩnh vực chỉ xấp xỉ 1.379 triệu đồng, bình quân mỗi DN nhận được 27,58 triệu đồng trong quá trình thực thi chính sách (Bảng 5). Hầu hết các doanh nghiệp nhận được hỗ trợ tập trung ở trung tâm của tỉnh như thành phố Vinh, Diễn Châu, Nghi Lộc, các huyện ở miền núi hay đồng bằng xa trung tâm đều không nhận được sự hỗ trợ. Kết quả này thể hiện hạn chế của chính sách ở thời điểm ban hành cũng như công tác tuyên truyền chính sách khi mà chỉ có thông báo thông tin trên website của Sở khoa học và công nghệ, Sở tài chính và Cổng thông tin điện tử Nghệ An, rất khó để các doanh nghiệp ở địa bàn vùng sâu, vùng xa tiếp cận được chính sách.

3.3. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ở tỉnh Nghệ An

3.3.1. Đánh giá của nhóm cán bộ triển khai

Theo đánh giá của cán bộ triển khai, các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được đánh giá là phù hợp với yêu cầu cấp bách của thực tiễn, kịp thời, giúp các doanh nghiệp vượt qua được thời điểm khó khăn nhất, từ đó giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển. Kết quả đạt được của chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất có được là do sự nỗ lực tích cực của các NHTM trên địa bàn, đặc biệt là nhóm NHTM quốc doanh đã giúp cho 2.720 doanh nghiệp và 30.411 HTX, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn được tiếp nhận nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi. Số tiền các doanh nghiệp được vay vốn hỗ trợ lãi suất giúp doanh nghiệp có thể đóng BHXH cho lao động, chi trả tiền lương, tăng vốn lưu động phục vụ sản xuất (được thể hiện trong cam kết vay vốn về mục đích sử dụng)... Chính sách giãn, giảm thuế đã giúp doanh nghiệp giảm bớt căng thẳng về nguồn vốn, tạo điều kiện phát triển sản xuất - kinh doanh. Theo số liệu điều tra, nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng có sự thay đổi, bình quân tiền vốn của một doanh nghiệp trong nhóm ngành thương mại dịch vụ năm 2012 tăng lên 23,3% so với năm 2008; nhóm ngành công nghiệp - xây dựng cũng có số vốn bình quân tăng 17,6% so với năm 2008.

Bên cạnh các kết quả đạt được của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cán bộ triển khai chính sách ở tỉnh Nghệ An cũng cho rằng các chính sách trên sau thời gian thực hiện còn bộc lộ nhiều hạn chế cần phải được rút kinh nghiệm. Những hạn chế cơ bản của chính sách hỗ trợ lãi suất là việc xây dựng cơ chế tín dụng cũng như tổ chức thực hiện cơ chế chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn đặt ra (86,7% ý kiến). Việc tổ chức thực hiện cơ chế tín dụng chưa thật hợp lý, còn chồng chéo, gây khó khăn cho các DN vay vốn (93,3% ý kiến). Hạn chế về năng lực thực thi, trách nhiệm kiểm tra giám sát của các ngân hàng (33,3% ý kiến), một số NHTM cho doanh nghiệp thừa vốn vay hay DN vay vốn hỗ trợ lãi suất rồi gửi lại ngân hàng hoặc cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất... trong khi thanh tra NHNN và UBND tỉnh chỉ tổ chức thanh, kiểm tra một lần. Điều này gây ra hậu quả tổn kém về thời gian, kinh phí và giảm hiệu quả của chính sách.

Về chính sách hỗ trợ thuế, chính sách cũng còn nhiều bất cập, đó là: phạm vi đối tượng được thụ hưởng chính sách còn hạn hẹp, chỉ có tác động đến một bộ phận không lớn trong cộng đồng doanh nghiệp, do đó tác động lan tỏa không cao (93,3% ý kiến), cơ chế hỗ trợ thuế vẫn mang tính chất miễn giảm bình quân và chỉ tác động đến doanh nghiệp có thu nhập, còn nhiều doanh nghiệp khó khăn, kinh doanh thua lỗ, đáng ra cần được hỗ trợ nhưng lại không được hỗ trợ, dẫn đến sự mất công bằng và giảm tính hiệu quả của chính sách, chưa hỗ trợ đúng đối tượng, chưa tập trung vào tháo gỡ khó khăn chủ yếu mà cộng đồng doanh nghiệp đang gặp phải (86,7% ý kiến).

Về chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, những vấn đề bất cập mà những người thực thi nhìn nhận rất rõ là mức hỗ trợ rất thấp (100% ý kiến cán bộ), công tác tuyên truyền còn hạn chế (73,33% ý kiến) và lại ban hành trong bối cảnh các DN còn gặp nhiều khó khăn nên thứ nhất đây chưa phải là mối quan tâm hàng đầu, thứ hai với mức hỗ trợ quá thấp, các DN không chủ động dành nhiều thời gian để thực hiện hồ sơ, hoàn tất thủ tục (80% số ý kiến). Vì vậy, đây

cũng là lý do khiến cho kết quả đạt được của chính sách thấp.

3.3.2. Đánh giá của doanh nghiệp hưởng lợi

Trong 120 DN khảo sát, có 29 doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ lãi suất, 34 doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ thuế, 101 doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ KHCN. Tuy nhiên, các doanh nghiệp đánh giá cao vai trò của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã triển khai tại địa phương trong thời gian qua. Theo họ, nguồn hỗ trợ, đặc biệt từ hỗ trợ lãi suất và thuế đã giúp cho các doanh nghiệp giảm được phần nào chi phí sản xuất, giảm giá thành, đặc biệt giải quyết các khó khăn về vốn, nguyên liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả lương, đóng bảo hiểm...

Mặc dù vậy, các DN cũng cho rằng kết quả thực thi chính sách hỗ trợ còn nhiều hạn chế, ý kiến đánh giá được tổng hợp ở bảng 6. Thứ nhất, việc tuyên truyền phổ biến chính sách chưa thực sự triệt để, do đó các doanh nghiệp không nắm bắt thông tin đầy đủ, trong 120 DN được hỏi, chỉ có 65% DN biết đầy đủ về thông tin chính sách; 25,7% DN biết, nhưng không đầy đủ và 9,3% DN được hỏi thì không biết đến chính sách thời điểm đó, đặc biệt là chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ (73,3% ý kiến doanh nghiệp điều tra).

Thứ hai, theo các doanh nghiệp, thủ tục, hồ sơ của cả 3 chính sách còn phức tạp, nhất là chính sách hỗ trợ lãi suất (63,33 ý kiến doanh nghiệp điều tra), để vay được vốn bảo lãnh, cần phải có sự ký kết của ba bên: NH cho vay, NH

bảo lãnh và DN. Vì vậy, trong số 29 DN không được nhận hỗ trợ, khi được hỏi thì có 36,7% cho rằng họ biết thông tin nhưng do thủ tục quá phức tạp nên không thể hoàn tất; 6,7% là do DN không có nhu cầu.

Thứ ba, mức hỗ trợ thấp. Nếu DN chỉ đăng ký 1 hạng mục như mã số, mã vạch hoặc hỗ trợ đăng ký kiểu dáng công nghiệp (2 triệu đồng/hạng mục) thì rất có thể kinh phí bỏ ra nhiều hơn so với số tiền nhận được, nên 100% DN được hỏi về chính sách hỗ trợ khoa học đều cho rằng chính sách hỗ trợ khoa học của tỉnh Nghệ An trong thời gian qua không thực sự hiệu quả.

Thứ tư, thời gian hỗ trợ chưa hợp lý (thời gian ngắn), đối tượng hỗ trợ của chính sách hỗ trợ hẹp, cụ thể theo quy định của chính sách hỗ trợ lãi suất thì các DN thực sự gặp khó khăn không tiếp cận được với chính sách do quy định của chính sách không phục vụ cho mục đích đảo nợ. Còn đối với chính sách hỗ trợ thuế, những DN thực sự khó khăn, cần được hỗ trợ nhất như làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất, đứng trước nguy cơ phá sản thì lại không được hưởng chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, do số tiền thuế được giảm căn cứ trên thu nhập chịu thuế.

Thứ năm, đó là sự chồng chéo trong văn bản của chính sách, với quá nhiều văn bản điều chỉnh, bổ sung, đặc biệt là chính sách hỗ trợ lãi suất, đó là việc liên tiếp đưa ra các quyết định, thông tư hướng dẫn cho từng mốc thời gian khác nhau, đối tượng thụ hưởng khác nhau không những gây khó khăn cho đơn vị thực thi mà còn

Bảng 6. Số doanh nghiệp có ý kiến đánh giá về những bất cập của 3 loại chính sách

Diễn giải	Tỷ lệ ý kiến đánh giá về chính sách (%)		
	Hỗ trợ lãi suất	Giảm, giãn thuế	KHCN
1. Công tác tuyên truyền hạn chế	35,8	27,5	73,3
2. Thủ tục, hồ sơ phức tạp	89,2	75,7	56,3
3. Mức hỗ trợ thấp	56,4	83,1	100
4. Thời gian hỗ trợ chưa hợp lý	53,1	60,3	23,4
5. Quy định đối tượng được hỗ trợ chưa hợp lý	60,3	79,2	24,9
6. Sự chồng chéo trong văn bản chính sách	89,6	34,0	2,3
7. Thái độ phục vụ của cán bộ thực thi	53,7	75,4	34,6

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2013

gây trở ngại trong việc tiếp cận, hoàn tất thủ tục của doanh nghiệp thụ hưởng, nhất là chính sách hỗ trợ lãi suất (89,6% ý kiến doanh nghiệp được hỏi).

Thái độ phục vụ của người thực thi chính sách cũng là nguyên nhân khiến cho DN khó tiếp cận chính sách. Có 75,4% DN được hỏi về chính sách thuế cho rằng cán bộ của cơ quan thực thi chính sách không tận tình.

3.4. Một số đề xuất cho các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới

Mặc dù các chính sách đã kết thúc thời gian triển khai nhưng để nâng cao hiệu quả của các chính sách hỗ trợ mới đối với doanh nghiệp trong thời gian tới, trên cơ sở đánh giá những bất cập của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được thực hiện trên địa tỉnh Nghệ An đã nêu ở trên, đồng thời xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, theo ý kiến đề xuất của các cơ quan triển khai chính sách và nhóm doanh nghiệp hưởng lợi thì Nhà nước cần chú trọng những vấn đề sau đây:

Như vậy, cùng với việc xếp loại thứ tự ưu tiên thực hiện các nội dung của chính sách cần ban hành, triển khai trong thời gian tới, nhóm cán bộ triển khai chính sách và nhóm doanh nghiệp thụ hưởng còn đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện. Đề xuất tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ như: tăng cường hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ vay vốn ưu đãi và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, để hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới cần đơn giản hóa các thủ tục triển khai, tăng mức hỗ trợ, đa dạng hình thức tuyên truyền, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tập huấn cho cán bộ trước khi triển khai.

4. KẾT LUẬN

Bên cạnh các kết quả đạt được, các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An vẫn còn tồn tại một số hạn chế: (1) Kết quả thực thi các chính sách này chưa cao (chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ); (2) Mức hỗ trợ còn

Bảng 7. Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Nội dung đề xuất	Đối tượng đề xuất	
	Nhóm cán bộ triển khai chính sách (%)	Nhóm doanh nghiệp (%)
1. Những lĩnh vực cần ưu tiên		
- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi	73,3	95,8
- Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng	60,0	32,5
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm	93,3	87,5
- Hỗ trợ khoa học công nghệ	86,7	51,7
- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực	80,0	81,7
2. Đề xuất hoàn thiện chính sách		
- Đơn giản hóa các thủ tục hỗ trợ	86,7	82,5
- Tăng mức hỗ trợ	53,3	72,5
- Xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ	60,0	64,2
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn hỗ trợ	73,3	
- Đa dạng cách thức tuyên truyền	-	78,3
- Phân công nhân lực cụ thể, khoa học	66,7	-
- Tập huấn trước khi thực hiện chính sách	93,3	-
- Xác định đúng thời điểm hỗ trợ	86,67	87,50

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra 2013

thấp và chưa đồng bộ; (3) Thủ tục triển khai các chính sách hỗ trợ phức tạp; (4) Việc phổ biến thông tin chính sách chưa triệt để; (5) Cơ chế, chính sách chưa thực sự hỗ trợ cho đối tượng DN khó khăn; (6) Văn bản chính sách chưa thực sự khoa học, quá nhiều văn bản điều chỉnh, hướng dẫn; (7) Công tác tổ chức, phối hợp thực hiện còn nhiều bất cập; (8) Thái độ phục vụ của cán bộ triển khai chưa tận tình, còn hành xử theo cơ chế xin - cho.

Các đề xuất cho các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới của cán bộ thực thi và doanh nghiệp thụ hưởng, bao gồm: cải tiến cơ chế, xem xét lại mức hỗ trợ, lĩnh vực hỗ trợ cho phù hợp; thay đổi cách thức tổ chức triển khai và tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả của các chính sách; phổ biến rộng rãi nội dung chính sách cho tất cả đối tượng và trên cả các địa bàn; đơn giản hóa các thủ tục triển khai; tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của cơ quan triển khai, quan tâm đến đề xuất của DN đối với lĩnh vực hỗ trợ trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục thuế tỉnh Nghệ An (2012). Báo cáo tổng hợp kết quả và tình hình miễn, giảm thuế theo nghị quyết 30 của Chính phủ.

Chính phủ (2008). Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An (2012). Báo cáo tình hình thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất các năm 2009, 2010, 2011.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An (2013). Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 01 năm 2009, về "Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá ở Nghệ An".

Thủ tướng Chính phủ (2009). Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg về một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh.

Thủ tướng Chính phủ (2009). Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009 Về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để sản xuất - kinh doanh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2009). Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 01 năm 2009, về "Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá ở Nghệ An".